

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HS-ST
Ngày: 09/01/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trang Văn Hai

2. Ông Trần Công Danh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hồng Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 738/2024/HSST ngày 12 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 730/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Bá H, sinh ngày 16/9/1979 tại Hà Tĩnh.

Nơi đăng ký thường trú: (Không); Nơi thường trú trước đây: Thôn Đ, xã M, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Không nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phạm Bá Đ**, sinh năm 1963 và **Phạm Thị L**, sinh năm 1966; bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 03 anh em; bị cáo có vợ tên Bùi Thị L1 (đã ly hôn) và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2005 và nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú ngày 17/9/2024. Hiện bị đang tạm giam tại nhà tạm giữ công an thành phố B.

- **Bị hại:** Nguyễn Phương T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: F, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số A L, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo có mặt; bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Bá H là người làm thuê tại công trình xây dựng cho ông Nguyễn Phương T và ở cùng nhà trọ với ông T tại khu phố A, phường H, thành phố B. Khoảng 10 giờ ngày 04/12/2019, ông T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Air Blade, biển số 60B8-700.52 chở H đến quán cà phê “G” thuộc khu phố D, phường T, thành phố B để uống cà phê thì H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của ông T để đem bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định trên khi đến quán cà phê “G” H giả vờ mượn xe mô tô của ông T để đi xử lý hồ sơ thi giấy phép lái xe ô tô và nói ông T vào quán ngồi đợi, do tin tưởng H nên ông T đã giao xe mô tô cho H mượn và vẫn để giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trong cốp xe. Sau khi được giao xe, H điều khiển xe mô tô của ông T bỏ đi và tắt điện thoại để ông T không liên lạc được. Đến ngày 06/12/2019, H đem xe mô tô đến tiệm cầm đồ 779 của bà Nguyễn Thị Mỹ D làm chủ tại khu phố F, phường T, thành phố B và bán cho bà D với số tiền 16.500.000đ rồi bỏ trốn và tiêu xài hết số tiền trên. Sau khi mua xe bà D đã bán xe cho ông Bùi Đình P, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ A, khu phố A, phường L, thành phố B nhưng bà D và ông P thỏa thuận cho ông P đi thử trong thời hạn 01 tuần mới tiến hành ký hợp đồng mua bán. Ngày 07/01/2020, ông T đến nhà P chơi và thấy xe mô tô trên nên ông T đã trình báo công an phường T lập hồ sơ xử lý. Qua truy xét, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố B đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và truy nã đối với Phạm Bá H về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 17/9/2024, Phạm Bá H đã đến công an phường T, thành phố B đầu thú.

- Vật chứng vụ án gồm:

01 xe mô tô nhãn hiệu Air Blade, biển số 60B8-700.52.

01 hợp đồng mua bán xe do bà Nguyễn Thị Mỹ D giao nộp.

- Tại bản Kết luận định giá tài sản số 107/KL-HĐĐGTS ngày 19/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: “Một 01 xe mô tô hiệu Air Blade, biển số 60B8-700.52” trị giá 28.833.000đ (hai mươi tám triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

* Về dân sự:

Bị hại ông Nguyễn Phương T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ D đã nhận tiền bồi thường từ người nhà của bị cáo và không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại Cáo trạng số: 02/CT-VKSBH ngày 10/12/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo Phạm Bá H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 01 năm 02 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù.

Về dân sự bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai và hối hận về hành vi của mình xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi của bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng mô tả hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận, ngày 04/12/2019, Phạm Bá H đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Air Blade, biển số 60B8-700.52 của ông Nguyễn Phương T thì bị phát hiện, khởi tố điều tra xử lý. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 107/KL-HĐĐGTS ngày 19/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B trị giá 28.833.000đ (hai mươi tám triệu, tám trăm ba mươi

ba nghìn đồng). Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với tất cả tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Trách nhiệm hình sự và hình phạt: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành và nhận thức được hành vi mà bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện; Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngoài ra bị cáo đầu thú, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Air Blade, biển số 60B8-700.52, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố B đã giao trả cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Phương T là phù hợp.

Đối với 01 hợp đồng mua bán xe do bà Nguyễn Thị Mỹ D giao nộp là tài liệu, chứng cứ nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Nguyễn Phương T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ D đã nhận tiền bồi thường và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 16.500.000đ mà ông Phạm Đình C là em trai của bị cáo Phạm Bá H đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị Mỹ D. Ông C xác định trước khi ra đầu thú bị cáo đã trao đổi với gia đình về việc bồi thường thiệt hại nên ông C đã

bồi thường cho bà D, do vậy ông C có đơn không yêu cầu bồi thường và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với bà Nguyễn Thị Mỹ D đã mua lại xe mô tô nhãn hiệu Air Blade, biển số 60B8-700.52 nhưng không biết tài sản do Phạm Bá H phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố B không xử lý là có căn cứ.

Đối với Bùi Đình P mua lại xe mô tô nhãn hiệu Air Blade, biển số 60B8-700.52 từ bà D. Tuy nhiên, ông P và bà D xác định mới thỏa thuận đi thử, chưa làm hợp đồng mua bán và không phải tài sản của ông P đã mua. Khi thỏa thuận với bà D không biết là tài sản Phạm Bá H phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố B không xử lý là có căn cứ.

[9] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 260 Bộ luật Tổ tụng hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Bá H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Bá H 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2024.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp;
- VKSND tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND
tỉnh;

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Mạnh Tuấn